BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC
*
Số **342** - QĐ/BTCTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

QUY ĐỊNH
về Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 20-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;

- Căn cứ Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 216-QĐ/TW, ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 18/8/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay;

- Căn cứ Chỉ thị số 57-CT/TW, ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;

- Căn cứ Quy định số 384-QĐ/TW, ngày 19/11/2025 của Ban Bí thư về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quy định số 379-QĐ/TW, ngày 22/10/2025 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng;

- Căn cứ Quyết định số 333-QĐ/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư ban hành Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, phiên bản 3.0;

- Căn cứ Quy định số 121-QĐ/TW, ngày 25/01/2018 của Ban Bí thư về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp cao thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư

quản lý;

- Căn cứ Quyết định số 16-QĐ/BCĐ, ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng phê duyệt Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 trong các cơ quan Đảng;

- Căn cứ Hướng dẫn số 07-HD/VPTW, ngày 29/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13 ngày 26/11/2011, Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, ngày 10/12/2025; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023; Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15, ngày 24/6/2025; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, ngày 26/6/2025; Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, ngày 10/12/2025; Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 117/2025/QH15, ngày 10/12/2025; Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15, ngày 11/12/2025;

- Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg, ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban,

Ban Tổ chức Trung ương ban hành quy định về Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc tạo lập, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu; quản lý, vận hành Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng (gọi tắt là Hệ thống) và trách nhiệm của các chủ thể tham gia.

2. Quy định này áp dụng đối với:

a) Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc từ Trung ương đến cơ sở và đảng viên trong toàn Đảng;

b) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp;

c) Các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, theo dõi sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý;

d) Cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ;

e) Cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được giao nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý.

3. Các vụ, cục, đơn vị của Ban Tổ chức Trung ương; các tổ chức, cá nhân khác được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến tạo lập, cập nhật, khai thác, vận hành Hệ thống.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Hệ thống được xây dựng, khai thác, sử dụng để phục vụ công tác quản lý; thực hiện các nghiệp vụ, thống kê, phân tích, hỗ trợ ra quyết định về công tác tổ chức xây dựng Đảng, tổ chức bộ máy, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ, chăm sóc sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý và hoạt động nghiên cứu khoa học của Ban Tổ chức Trung ương trên môi trường điện tử.

2. Thống nhất về chế độ tạo lập, cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tổ chức đảng, đảng viên; cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chăm sóc sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý; bảo vệ chính trị nội bộ và hoạt động nghiên cứu khoa học của Ban Tổ chức Trung ương.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính trong Đảng. Hệ thống phải phục vụ chuyển đổi phương thức làm việc từ hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử; từ hình thức báo cáo thủ công sang báo cáo số theo thời gian thực; tái sử dụng dữ liệu, giảm tối đa nhập liệu trùng lặp, giảm thời gian xử lý, nâng cao năng lực khai thác, phân tích, dự báo, cảnh báo phục vụ việc ra quyết định của cấp có thẩm quyền dựa trên dữ liệu.

3. Tăng cường phân cấp, phân quyền, phân công rõ trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, đảm bảo cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất, vận hành thông suốt, đúng mục đích, hiệu quả, an ninh mạng, bảo mật thông tin theo quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. **Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng** là tập hợp đồng bộ các thành phần: hạ tầng kỹ thuật, phần cứng, phần mềm ứng dụng, các cơ sở dữ liệu (tổ chức đảng, đảng viên; cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý; bảo vệ chính trị nội bộ; nghiên cứu khoa học) và quy trình nghiệp vụ.

2. **Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên** là cơ sở dữ liệu nền tảng của Hệ thống gồm tập hợp dữ liệu và hồ sơ điện tử về tổ chức đảng, đảng viên được quản lý tập trung trên Hệ thống.

3. **Cơ sở dữ liệu cán bộ** là tập hợp dữ liệu, được thu thập, cập nhật, lưu trữ và quản lý tập trung, phản ánh các thông tin cơ bản về cán bộ (gồm cả công chức, viên chức, cán bộ thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý và cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý).

4. **Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ** là tập hợp dữ liệu, được thu thập, cập nhật, lưu trữ và quản lý tập trung, phản ánh hồ sơ sức khỏe, kết quả khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc y tế và các thông tin liên quan đến tình trạng sức khỏe của cán bộ theo phân cấp quản lý.

5. **Cơ sở dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ** là tập hợp dữ liệu, được thu thập, cập nhật, lưu trữ và quản lý tập trung, phản ánh các thông tin liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

6. **Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học** là tập hợp dữ liệu, được thu thập, cập nhật, lưu trữ và quản lý tập trung, phản ánh thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học về các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổ chức Trung ương, bao gồm tài liệu được công bố của các đề án trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các sản phẩm đề tài, đề án nghiên cứu, hội thảo, tọa đàm khoa học; các báo cáo tư vấn phục vụ công tác tham mưu của Ban Tổ chức Trung ương; các tham luận, bài viết, bài báo, bài phát biểu quan trọng, thông tin về các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực tổ chức xây dựng Đảng và các tài liệu khác.

7. **Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ** là tập hợp dữ liệu, được thu thập, cập nhật, lưu trữ và quản lý tập trung, phản ánh thông tin về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bao gồm nhu cầu đào tạo trong nước, nước ngoài của các cơ quan, đơn vị, địa phương; thông tin các lớp đào tạo, bồi dưỡng và kết quả đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá sau đào tạo, bồi dưỡng là nguồn dữ liệu phục vụ quản lý, theo dõi và cập nhật vào hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

8. **Hồ sơ đảng viên điện tử** là hồ sơ được hình thành, cập nhật, quản lý và lưu trữ bằng phương thức điện tử, bao gồm phiếu đảng viên điện tử và các tài liệu khác theo quy định về hồ sơ đảng viên.

9. **Hồ sơ cán bộ điện tử** (gồm cả sơ yếu lý lịch, phiếu kê khai bổ sung định kỳ,…) là hồ sơ được hình thành, cập nhật, quản lý và lưu trữ bằng phương thức điện tử, bao gồm đầy đủ thông tin về cán bộ, công chức, viên chức trong suốt quá trình công tác.

10. **Hồ sơ sức khỏe điện tử của cán bộ** là hồ sơ được tạo lập, cập nhật, hiển thị, tra cứu sử dụng, lưu trữ bằng phương thức điện tử, bao gồm các thông tin tóm tắt quá trình khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của cán bộ theo quy định.

11. **Hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ điện tử** là hồ sơ được hình thành, cập nhật, quản lý và lưu trữ bằng phương thức điện tử, bao gồm kết luận tiêu chuẩn chính trị, thông tin về vấn đề chính trị của cán bộ, đảng viên và các tài liệu khác được hình thành trong quá trình giải quyết công việc thuộc lĩnh vực bảo vệ chính trị nội bộ.

12. **Hồ sơ nghiên cứu khoa học điện tử** là hồ sơ được hình thành, cập nhật, quản lý và lưu trữ bằng phương thức điện tử, bao gồm thông tin về đăng ký, xét duyệt các đề xuất, thuyết minh đề tài, đề án, kế hoạch tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, các kết quả nghiên cứu và thông tin về việc ứng dụng, kế thừa kết quả nghiên cứu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống phải gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, xử lý nghiệp vụ trên môi trường số; thực hiện nguyên tắc đơn giản hóa trước, số hóa sau; dữ liệu có chủ thể quản lý, có nguồn gốc rõ ràng, có trách nhiệm và có khả năng kiểm chứng; mọi thay đổi dữ liệu quan trọng phải được lưu trữ tại nhật ký hệ thống độc lập, không thể sửa, xóa, được xác thực và chịu trách nhiệm giải trình. Việc triển khai Hệ thống phải hướng tới giảm giấy tờ, thời gian xử lý, giảm nhập liệu trùng lặp, nâng cao chất lượng dữ liệu, tăng khả năng phân tích, tổng hợp, cảnh báo và phục vụ ra quyết định. Tất cả nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống được quản trị theo mục tiêu và kết quả then chốt, nguyên tắc 6 rõ, 1 xuyên suốt.

2. Dữ liệu trong Hệ thống phải được cập nhật đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời; được thống nhất, chuẩn hóa, xác thực bởi cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền, có khả năng kiểm chứng, đối soát từ nhiều nguồn bảo đảm yêu cầu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; bảo đảm nguyên tắc "một dữ liệu - một nguồn gốc - một chủ quản - một lần nhập - nhiều lần dùng", phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý tổ chức đảng, đảng viên.

Việc quản lý dữ liệu được thực hiện xuyên suốt từ khâu tạo lập, cập nhật, xác thực, khai thác, sử dụng, lưu trữ, phân tách, khóa và hủy theo thẩm quyền; bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn.

Đối với các dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu nhạy cảm phải áp dụng cơ chế bảo mật phù hợp, giới hạn phân cấp, phân quyền truy cập, khai thác, sử dụng, đúng thẩm quyền, đúng chức trách, nhiệm vụ. Đồng thời, phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ và tổ chức phù hợp để bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu.

3. Phân cấp, phân quyền, trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc cập nhật, quản lý, vận hành, khai

thác và sử dụng Hệ thống. Dữ liệu do cấp nào tạo lập, xác thực thì cấp đó chịu trách nhiệm cuối cùng.

4. Bảo đảm phục vụ hiệu quả, kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ của Trung ương và nghiên cứu khoa học của Ban Tổ chức Trung ương; đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ, thủ tục hành chính liên quan tới đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

5. Hồ sơ điện tử, văn bản điện tử, dữ liệu điện tử được sử dụng thay thế hoặc làm căn cứ có giá trị như hồ sơ giấy khi đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc, tính toàn vẹn, xác thực, ký số hoặc phê duyệt điện tử, lưu trữ điện tử và các điều kiện khác theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trong thời gian chuyển tiếp, trường hợp chưa đủ điều kiện thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy thì thực hiện song song và có lộ trình giảm dần hồ sơ giấy.

6. Dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức phải được bảo đảm cập nhật, chính xác, quản lý tập trung; đối chiếu, xác thực, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Việc kết nối, giao tiếp và trao đổi dữ liệu được thực hiện thông qua hệ thống mạng bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, đồng thời áp dụng các giải pháp bảo đảm an ninh mạng và bảo mật thông tin theo quy định, nhằm bảo vệ tuyệt đối dữ liệu trong quá trình truyền dẫn, khai thác và sử dụng.

8. Tuân thủ đầy đủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu; giao dịch điện tử; bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm an ninh dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước.

9. Ưu tiên nghiên cứu, áp dụng các công nghệ hiện đại, nhất là trí tuệ nhân tạo, nhằm hỗ trợ công tác quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu.

10**.** Nguyên tắc 6 rõ, 1 xuyên suốt: Rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền và trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian, rõ sản phẩm, một đầu mối xuyên suốt.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, kết nối

1. Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên là cơ sở dữ liệu nền tảng, nguồn dữ liệu chính thức về tổ chức đảng và đảng viên; là đầu mối kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác trong Hệ thống.

2. Cơ sở dữ liệu cán bộ là cơ sở dữ liệu nền tảng về quản lý cán bộ, nguồn dữ liệu chính thức về cán bộ và các thông tin liên quan đến cán bộ như chức vụ, chức danh, vị trí việc làm, quá trình công tác, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách và hồ sơ cán bộ,...; được kết nối, liên thông với các cơ sở

dữ liệu chuyên ngành khác (kiểm tra, nội chính, thanh tra, kiểm toán, công an,…) để thực hiện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

3. Mỗi cơ sở dữ liệu có mục tiêu quản lý, phạm vi sử dụng, chế độ cập nhật, khai thác và mức độ bảo mật riêng, được quản lý thống nhất trong một hệ thống thông tin dùng chung.

4. Việc sử dụng dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu phải bảo đảm thống nhất về định danh, chuẩn dữ liệu và tính nhất quán của thông tin trong toàn Hệ thống.

5. Việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu phải bảo đảm theo phân cấp, phân quyền và quyết định của cấp có thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi, đồng thời tuân thủ các quy định về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Hệ thống được tổ chức theo kiến trúc tổng thể, thống nhất, tập trung, liên thông, bảo mật; bảo đảm đồng bộ với Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. Mọi cơ sở dữ liệu thành phần phải tuân thủ khung dữ liệu cốt lõi, chuẩn kết nối và quy chế chia sẻ dữ liệu do cấp có thẩm quyền ban hành.

Việc kết nối, tích hợp giữa các cơ sở dữ liệu thành phần và giữa Hệ thống với các cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo tương thích với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia và các văn bản hướng dẫn theo quy định.

7. Mỗi trường thông tin phải xác định rõ nguồn dữ liệu gốc (thông tin định danh cá nhân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thông tin văn bằng chứng chỉ từ cơ sở đào tạo/cơ sở dữ liệu chuyên ngành; sức khỏe từ cơ sở y tế được giao nhiệm vụ…), cơ quan xác thực, tần suất cập nhật và quy trình xử lý khi phát hiện sai lệch dữ liệu. Trường hợp thông tin của cùng một cá nhân giữa Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, Cơ sở dữ liệu cán bộ, các cơ sở dữ liệu có liên quan không thống nhất, việc xác định, đối soát và điều chỉnh dữ liệu phải căn cứ vào hồ sơ pháp lý, nguồn dữ liệu có thẩm quyền đối với từng trường thông tin và kết quả xác minh của cơ quan có thẩm quyền.

Việc quản lý dữ liệu được thực hiện theo nguyên tắc không mặc định một cơ sở dữ liệu là nguồn tham chiếu duy nhất cho toàn bộ thông tin của cá nhân. Mọi điều chỉnh dữ liệu phải được phê duyệt, ghi vết trên Hệ thống, bảo đảm xác định được người thực hiện, thời điểm thực hiện, căn cứ điều chỉnh và trách nhiệm của cơ quan xác thực.

Điều 6. Hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm

1. Truy cập, xâm nhập, can thiệp, phá hoại trái phép hệ thống; chiếm đoạt, làm lộ, làm mất, sửa đổi, hủy hoại hoặc sử dụng trái phép dữ liệu của Hệ thống.

2. Dùng chung tài khoản; cho mượn tài khoản; chia sẻ mật khẩu; trích xuất, sao chép dữ liệu hàng loạt khi chưa được phép; đưa dữ liệu Hệ thống lên nền tảng không được cấp có thẩm quyền cho phép; sử dụng công cụ AI công cộng (Public AI) để xử lý dữ liệu chưa được phép, các vi phạm khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Cố ý che giấu, giả mạo danh tính, quyền truy cập hoặc nguồn gốc truy cập; tự ý kết nối thiết bị, phần mềm, dịch vụ bên ngoài vào hệ thống khi chưa được phép; cố ý che giấu, không báo cáo hoặc báo cáo sai sự thật về sự cố, nguy cơ mất an ninh mạng, an ninh dữ liệu.

4. Khai thác, sử dụng dữ liệu không đúng mục đích, không đúng thẩm quyền; cung cấp, chia sẻ, sao chép dữ liệu cho tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền; lợi dụng việc khai thác, sử dụng dữ liệu để phục vụ mục đích cá nhân dưới mọi hình thức.

5. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này và các quy định có liên quan, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Chương II
TẠO LẬP VÀ CẬP NHẬT CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 7. Kiến trúc Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng

Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng được thiết kế, quản lý, vận hành theo kiến trúc thống nhất, tập trung, liên thông, bảo mật, gồm các lớp chính: hạ tầng kỹ thuật; định danh, xác thực, phân quyền; dữ liệu dùng chung; cơ sở dữ liệu chuyên ngành; dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu; phân hệ nghiệp vụ; báo cáo, bảng chỉ số (dashboard), cảnh báo; an toàn, bảo mật, ghi vết và kiểm toán. Các cơ sở dữ liệu thành phần, phần mềm, phân hệ nghiệp vụ khi xây dựng, nâng cấp, mở rộng phải tuân thủ kiến trúc chung, chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, quy chế chia sẻ dữ liệu và yêu cầu bảo mật do cấp có thẩm quyền ban hành. Các tài khoản quản trị hệ thống, tài khoản khai thác dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải áp dụng cơ chế xác thực đa yếu tố; việc xác thực, quản lý danh tính số thực hiện thống nhất theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Chủ quản dữ liệu

1. Mỗi cơ sở dữ liệu thuộc Hệ thống phải xác định rõ chủ quản dữ liệu, đơn vị nghiệp vụ, đầu mối dữ liệu và đầu mối kỹ thuật.

2. Chủ quản dữ liệu là cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm quản lý đối với cơ sở dữ liệu; quyết định phạm vi quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, quy trình, tiêu chuẩn và yêu cầu

nghiệp vụ liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

3. Đơn vị nghiệp vụ là đơn vị được giao quản lý nội dung dữ liệu; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất của dữ liệu; hướng dẫn, kiểm tra việc tạo lập, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định.

4. Đầu mối dữ liệu là tổ chức hoặc cá nhân được giao trực tiếp thực hiện việc tạo lập, cập nhật, rà soát, chuẩn hóa, đối soát, xác thực và quản lý chất lượng dữ liệu; là đầu mối phối hợp xử lý các sai lệch, bất cập phát sinh trong quá trình quản lý dữ liệu.

5. Đầu mối kỹ thuật là đơn vị được giao quản trị, vận hành kỹ thuật Hệ thống; bảo đảm hạ tầng, phần mềm, kết nối, chia sẻ dữ liệu, an ninh dữ liệu, sao lưu, phục hồi dữ liệu và các yêu cầu kỹ thuật khác theo quy định.

6. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng dữ liệu, an ninh thông tin và hiệu quả khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Tiêu chuẩn chất lượng dữ liệu

1. Dữ liệu trong Hệ thống phải đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng sau đây:

a) Đúng: phản ánh chính xác thông tin theo hồ sơ, tài liệu và nguồn dữ liệu có thẩm quyền;

b) Đủ: bảo đảm đầy đủ các trường dữ liệu bắt buộc theo quy định;

c) Sạch: không trùng lặp, không mâu thuẫn, không chứa dữ liệu lỗi hoặc không còn giá trị sử dụng;

d) Sống: được cập nhật kịp thời khi có phát sinh, thay đổi;

e) Thống nhất: bảo đảm đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu có liên quan;

f) Dùng chung: được chuẩn hóa, sẵn sàng phục vụ khai thác, chia sẻ theo quy định;

g) An toàn: được quản lý, bảo vệ và khai thác theo đúng quy định về an ninh dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Chất lượng dữ liệu được theo dõi, đánh giá định kỳ thông qua Bộ chỉ số đánh giá chất lượng dữ liệu do Ban Tổ chức Trung ương ban hành hoặc hướng dẫn thực hiện thống nhất trong toàn Ngành.

3. Kết quả đánh giá chất lượng dữ liệu là một trong những căn cứ để đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu, đơn vị nghiệp vụ, đầu mối dữ liệu và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 10. Rà soát và xử lý sai lệch dữ liệu

1. Các cơ sở dữ liệu thuộc Hệ thống phải được rà soát, đối soát và đánh giá chất lượng dữ liệu, thực hiện định kỳ hằng quý hoặc theo chuyên đề, theo mức độ rủi ro dữ liệu do chủ quản dữ liệu quy định; trường hợp cần thiết thực hiện rà soát đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Khi phát hiện dữ liệu thiếu, sai lệch, trùng lặp, không thống nhất hoặc không còn phù hợp, đầu mối dữ liệu có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xác minh, xử lý và cập nhật theo quy định.

3. Mọi hoạt động chỉnh sửa, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ dữ liệu phải được ghi vết trên Hệ thống, bảo đảm xác định được nội dung thay đổi, người thực hiện, thời điểm thực hiện và căn cứ thực hiện.

4. Trường hợp để xảy ra tình trạng dữ liệu sai lệch, không được cập nhật kịp thời hoặc không đáp ứng yêu cầu chất lượng dữ liệu theo quy định, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, đầu mối dữ liệu và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định.

Điều 11. Tạo lập dữ liệu

1. Tạo lập dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên

Cấp ủy cấp tỉnh đến cấp ủy cơ sở tạo lập danh mục tổ chức đảng khi có tổ chức đảng trực thuộc chuyển giao, thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc thay đổi theo phân cấp.

Sau khi có quyết định của cấp ủy có thẩm quyền và chi bộ tổ chức lễ kết nạp đảng viên, chi bộ hướng dẫn đảng viên dự bị kê khai phiếu đảng viên điện tử trên ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử.

Cấp ủy chi bộ hoặc bí thư, phó bí thư (nơi chi bộ không có cấp ủy) có trách nhiệm kiểm tra, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác; thực hiện xác nhận, phê duyệt các nội dung đảng viên đã kê khai, cung cấp. Hoàn thành trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Cấp ủy cơ sở thẩm định, cung cấp các thành phần hồ sơ đảng viên điện tử khác theo quy định, thực hiện ký số hoặc phê duyệt, trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được dữ liệu đảng viên do chi bộ gửi lên.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng chỉ đạo cơ quan tham mưu về công tác tổ chức thẩm định, cung cấp các thành phần hồ sơ đảng viên điện tử khác theo quy định, thực hiện ký số hoặc phê duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được dữ liệu đảng viên do cấp ủy cơ sở hoặc chi bộ trực thuộc gửi lên.

2. Tạo lập dữ liệu cán bộ

- Cá nhân (là cán bộ, công chức, viên chức): Kê khai mới hoặc bổ sung trường thông tin, dữ liệu điện tử theo mẫu trên Cơ sở dữ liệu cán bộ; hoàn thành chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi phát sinh nội dung thông tin, dữ liệu.

- Cơ quan trực tiếp quản lý nơi cán bộ công tác (gồm cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ, cá nhân được phân công nhiệm vụ và tập thể lãnh đạo, quản lý) có trách nhiệm kiểm tra, bảo đảm thông tin được khai đầy đủ, chính xác, phê duyệt các nội dung theo thẩm quyền hoặc xác nhận để đề nghị cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ phê duyệt; hoàn thành chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi phát sinh nội dung thông tin, dữ liệu.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ phê duyệt các nội dung do cơ quan trực tiếp quản lý xác nhận và đề nghị lên; hoàn thành chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có đề nghị.

3. Tạo lập dữ liệu sức khỏe của cán bộ

Sau khi cán bộ thuộc diện phân cấp quản lý được khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh, chữa bệnh theo quy định, cơ quan y tế có thẩm quyền thực hiện cập nhật thông tin sức khỏe vào hồ sơ sức khỏe điện tử của cán bộ. Việc nhập dữ liệu, xác nhận và phê duyệt thông tin do Cơ sở y tế được giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, theo dõi sức khỏe cán bộ thực hiện; bảo đảm tính chính xác, khách quan. Hoàn thành trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết luận chuyên môn.

Cơ quan quản lý hồ sơ sức khỏe cán bộ thực hiện xác thực, phê duyệt hoặc ký số để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ; việc kết nối, khai thác thông tin với các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo phân cấp và quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống.

4. Tạo lập dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ

Khi có yêu cầu kết luận tiêu chuẩn chính trị cán bộ, đảng viên, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp là người ngoài Đảng hoặc phát sinh yêu cầu nghiệp vụ bảo vệ chính trị nội bộ liên quan, cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ có thẩm quyền thực hiện tạo lập, cập nhật hồ sơ điện tử theo quy định. Việc tạo lập hồ sơ từ dữ liệu số hóa hồ sơ, văn bản giấy do cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ thực hiện.

Hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ của cán bộ, đảng viên điện tử được quản lý tập trung; việc cập nhật, khai thác, sử dụng và liên thông dữ liệu chỉ thực hiện khi được cấp có thẩm quyền đồng ý.

5. Tạo lập dữ liệu nghiên cứu khoa học

Sau khi cơ quan quản lý khoa học thông báo về việc đề xuất nhiệm vụ, kinh phí khoa học năm, trong thời hạn đăng ký, chủ nhiệm có nhiệm vụ thực hiện khai

hồ sơ đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu khoa học điện tử theo hướng dẫn. Cơ quan quản lý khoa học của cấp có thẩm quyền kiểm tra, đối chiếu, xác nhận thông tin nhiệm vụ; thực hiện phê duyệt hồ sơ điện tử để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học.

Trong quá trình quản lý, cơ quan quản lý khoa học và cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học cập nhật đầy đủ hồ sơ, sản phẩm và kết quả nghiên cứu; ký số hoặc phê duyệt theo từng giai đoạn, bảo đảm tính liên tục và đầy đủ của hồ sơ điện tử.

6. Tạo lập dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Sau khi có quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng của cấp có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị quản lý theo phân cấp có trách nhiệm hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức kê khai, cập nhật đầy đủ thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng trên hệ thống hồ sơ điện tử theo quy định.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc người được phân công có trách nhiệm:

- Kiểm tra, đối chiếu thông tin về chương trình đào tạo, bồi dưỡng do cán bộ, công chức, viên chức kê khai.

- Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu, bao gồm: tên khóa học, thời gian đào tạo, cơ sở đào tạo, hình thức đào tạo, kết quả hoàn thành và các thông tin có liên quan.

- Thực hiện xác nhận và phê duyệt thông tin đã được cập nhật trên Hệ thống.

Việc cập nhật và phê duyệt dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng phải được hoàn thành trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi cán bộ, công chức, viên chức kết thúc khóa học hoặc nhận được kết quả đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 12. Cập nhật cơ sở dữ liệu

1. Cập nhật dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên

Cấp ủy cấp tỉnh đến cấp ủy cơ sở cập nhật, bổ sung, điều chỉnh danh mục tổ chức đảng khi có tổ chức đảng trực thuộc chuyển giao, thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc thay đổi theo phân cấp.

Dữ liệu đảng viên được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên từ các nguồn sau:

a) Dữ liệu do đảng viên chủ động cập nhật, thay đổi

Đảng viên cập nhật các thông tin cá nhân khi có thay đổi và theo quy định thông qua ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử. Trường hợp đảng viên không truy cập được dữ liệu hoặc không cập nhật được dữ liệu thì cấp ủy chi bộ hoặc bí thư, phó bí thư

(nơi không có cấp ủy) giúp đảng viên cập nhật và kiểm tra xác nhận theo quy định.

Cấp ủy chi bộ hoặc bí thư, phó bí thư (nơi chi bộ không có cấp ủy) thực hiện kiểm tra, xác nhận, phê duyệt các thông tin do đảng viên cập nhật, bổ sung, trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi thông tin đã được gửi lên.

Cấp ủy cơ sở thẩm định, thực hiện ký số hoặc phê duyệt, trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được thông tin đảng viên do chi bộ gửi lên.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng chỉ đạo cơ quan tham mưu về công tác tổ chức thẩm định, kiểm tra, ký số hoặc phê duyệt đưa các thông tin đảng viên cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được thông tin đảng viên do cấp ủy cơ sở hoặc chi bộ trực thuộc gửi lên.

b) Dữ liệu được số hóa từ hồ sơ, tài liệu giấy do cấp ủy quản lý hồ sơ đảng viên thực hiện và cập nhật vào Hệ thống theo quy định.

c) Dữ liệu, văn bản trong quá trình thực hiện nghiệp vụ trên Phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên hoặc Hệ thống điều hành tác nghiệp của cơ quan Đảng được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên.

d) Dữ liệu lấy từ nguồn kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu liên quan khác, được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Cập nhật dữ liệu cán bộ

- Cá nhân: Định kỳ hằng quý, hằng năm hoặc khi phát sinh phải cập nhật, bổ sung trường thông tin, dữ liệu điện tử trên cơ sở dữ liệu cán bộ; hoàn thành chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi phát sinh nội dung thông tin.

- Cơ quan trực tiếp quản lý nơi cán bộ công tác có trách nhiệm kiểm tra, bảo đảm thông tin được khai đầy đủ, chính xác, phê duyệt các nội dung theo thẩm quyền hoặc xác nhận để đề nghị cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ phê duyệt; dữ liệu số hóa từ hồ sơ, văn bản do cơ quan quản lý hoặc từ dữ liệu trên Hệ thống; cập nhật, kết nối, chia sẻ từ cơ sở dữ liệu liên quan khác theo quy định; thực hiện hoặc đề nghị thực hiện việc chuyển dữ liệu cán bộ khi có sự thay đổi nơi công tác; hoàn thành chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi phát sinh nội dung thông tin.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ phê duyệt các nội dung do cơ quan trực tiếp quản lý cấp dưới xác nhận và đề nghị lên; hoàn thành chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có đề nghị.

3. Cập nhật dữ liệu sức khỏe cán bộ

a) Dữ liệu cập nhật, thay đổi về sức khỏe cán bộ:

Cơ quan y tế có thẩm quyền thực hiện nhập, kiểm tra, xác nhận và phê duyệt các thông tin khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của cán bộ trên cơ sở kết luận chuyên môn, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đợt khám điều trị, hoặc kết thúc khám sức khỏe định kỳ.

Cơ sở y tế được giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, theo dõi sức khỏe cán bộ thực hiện thẩm định, ký số hoặc phê duyệt kết quả khám điều trị, khám sức khỏe định kỳ để cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý.

b) Dữ liệu số hóa từ hồ sơ y tế, kết quả khám điều trị, kết quả khám sức khỏe định kỳ bằng văn bản giấy do các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện.

c) Dữ liệu, văn bản phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ y tế trên Hệ thống phần mềm chuyên ngành tại các cơ sở y tế được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ theo quy định.

d) Dữ liệu lấy từ nguồn kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu liên quan chỉ thực hiện khi được cấp có thẩm quyền cho phép, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an ninh dữ liệu.

4. Cập nhật dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ

a) Dữ liệu cập nhật, thay đổi về bảo vệ chính trị nội bộ:

Cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ có thẩm quyền trực tiếp thực hiện nhập, kiểm tra, xác nhận và phê duyệt các thông tin, tài liệu về bảo vệ chính trị nội bộ vào hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ của cán bộ, đảng viên; việc cập nhật được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết luận chính thức.

b) Dữ liệu số hóa từ hồ sơ, tài liệu, văn bản giấy do cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ thực hiện và dữ liệu, văn bản phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ bảo vệ chính trị nội bộ được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định.

c) Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu khác chỉ được thực hiện khi có quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền và tuân thủ nghiêm các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống.

5. Cập nhật dữ liệu nghiên cứu khoa học

a) Dữ liệu do chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (hoặc thư ký đề tài, nhiệm vụ) cập nhật :

Cơ quan quản lý khoa học kiểm tra, xác nhận, phê duyệt các thông tin do chủ nhiệm nhiệm vụ cập nhật, bổ sung trong từng giai đoạn thực hiện nhiệm vụ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi thông tin được gửi lên.

b) Dữ liệu số hóa từ hồ sơ, văn bản giấy liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu

khoa học do cơ quan quản lý khoa học thực hiện.

c) Dữ liệu, văn bản phát sinh trong quá trình quản lý, triển khai, nghiệm thu nhiệm vụ trên hệ thống phần mềm quản lý nghiên cứu khoa học được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học.

d) Dữ liệu lấy từ nguồn kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu liên quan phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, tham mưu chính sách, theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Cập nhật dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

a) Dữ liệu do cơ quan, đơn vị quản lý cập nhật

Cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ trực tiếp thực hiện có trách nhiệm cập nhật, bổ sung thông tin đào tạo, bồi dưỡng (trong nước, ngoài nước), kiểm tra, đối chiếu, xác nhận và phê duyệt các thông tin do cán bộ cung cấp sau quá trình đào tạo, bồi dưỡng. Hoàn thành trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi cán bộ nhận đủ văn bằng, chứng chỉ hợp lệ, hoặc cho phép ghi nhận tạm thông tin khi kết thúc khóa học và bổ sung kết quả sau khi hoàn tất thủ tục.

Mỗi cán bộ, công chức, viên chức có hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng điện tử được hình thành và cập nhật xuyên suốt quá trình công tác, phản ánh đầy đủ quá trình đào tạo, bồi dưỡng, kết quả học tập, văn bằng, chứng chỉ, các chương trình bồi dưỡng bắt buộc theo tiêu chuẩn chức danh và kết quả, tình hình đánh giá sau đào tạo.

b) Dữ liệu số hóa từ hồ sơ, tài liệu giấy

Dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng được số hóa từ quyết định cử đi học, chương trình đào tạo, kết quả học tập, chứng chỉ, văn bằng và các tài liệu có liên quan do cơ quan quản lý cán bộ hoặc cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ thực hiện theo phân cấp.

c) Dữ liệu phát sinh trong quá trình quản lý đào tạo, bồi dưỡng

Dữ liệu, văn bản phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý, theo dõi, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng trên Hệ thống điều hành tác nghiệp được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

d) Dữ liệu từ nguồn kết nối, chia sẻ

Dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng, chứng chỉ, văn bằng được kết nối, chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu liên quan chỉ thực hiện khi được cấp có thẩm quyền cho phép; bảo đảm tuân thủ quy định về phân cấp quản lý, bảo mật và an ninh dữ liệu.

e) Xác thực văn bằng, chứng chỉ

Văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được cập nhật vào Hệ thống phải được xác thực thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở đào tạo; văn bằng do cơ sở giáo

dục nước ngoài cấp được xác thực theo quy định về công nhận văn bằng nước ngoài; trường "Ngày công nhận văn bằng nước ngoài" là điều kiện bắt buộc trước khi dùng làm căn cứ công tác cán bộ.

Trường hợp chưa có điều kiện kết nối, cơ quan quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm kiểm tra, xác minh tính hợp lệ trước khi phê duyệt cập nhật.

7. Việc chỉnh sửa dữ liệu sau cấp có thẩm quyền đã phê duyệt nhưng phát hiện có nội dung, thông tin sai sót, chưa chính xác, thì phải lập phiếu yêu cầu chỉnh sửa có chữ ký người đứng đầu đơn vị, kèm tài liệu chứng minh, thông tin, nội dung thay đổi được thể hiện rõ giá trị cũ, giá trị mới, người thực hiện, thời điểm và được lưu vết trên Hệ thống.

Điều 13. Trách nhiệm quản lý, tạo lập và cập nhật dữ liệu lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng

1. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu đảng viên

a) Trách nhiệm của đảng viên

Khai, cung cấp thông tin bản thân đầy đủ, rõ ràng và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin; thường xuyên, kịp thời cập nhật các thông tin khi có phát sinh, thay đổi, biến động.

b) Trách nhiệm của cấp ủy chi bộ hoặc bí thư, phó bí thư (nơi không có cấp ủy)

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc khai, cập nhật, bổ sung thông tin của đảng viên trong chi bộ theo đúng quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ đối với dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên.

Kiểm tra, đối chiếu các thông tin đảng viên đã khai, cập nhật, bổ sung với các tài liệu liên quan; thực hiện xác thực, phê duyệt để gửi thông tin lên cấp trên trực tiếp.

c) Trách nhiệm của cấp ủy cấp tỉnh đến cấp ủy cơ sở

Thực hiện ký số hoặc phê duyệt thông tin đảng viên đã khai, cập nhật theo phân cấp; cập nhật những thay đổi thông tin đảng viên do cấp mình quyết định vào Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ đối với dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên.

Thực hiện số hóa hồ sơ đảng viên theo phân cấp quản lý hồ sơ đảng viên.

Chỉ đạo cơ quan tham mưu về công tác tổ chức của cấp ủy và cán bộ phụ trách chịu trách nhiệm cập nhật dữ liệu đảng viên bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; định kỳ rà soát, phát hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền dữ liệu sai lệch; không tự ý chỉnh sửa các trường dữ liệu không thuộc thẩm quyền quản lý, khai thác và sử dụng.

Cập nhật, bổ sung, điều chỉnh danh mục tổ chức đảng khi có tổ chức đảng trực thuộc chuyển giao, thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc thay đổi theo phân cấp.

2. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu cán bộ

a) Trách nhiệm của cán bộ

Khai, cung cấp thông tin bản thân đầy đủ, rõ ràng và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin; thường xuyên, kịp thời cập nhật các thông tin khi có phát sinh, thay đổi, biến động.

Trực tiếp cập nhật, bổ sung các thông tin thay đổi hoặc phát sinh của bản thân lên dữ liệu cán bộ. Trường hợp nếu không sử dụng được phần mềm hoặc vì lý do khách quan không thể trực tiếp cập nhật, bổ sung các thông tin thay đổi, phải kịp thời báo cáo và đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ cập nhật thông tin. Trường hợp phát hiện sai sót đối với dữ liệu liên quan đến bản thân, thì phải kịp thời thông báo ngay với cơ quan trực tiếp quản lý để chỉnh sửa theo quy định.

Chịu trách nhiệm về tính đúng, đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu trước cơ quan quản lý cán bộ có thẩm quyền.

Cá nhân được quyền tra cứu, cập nhật dữ liệu của cá nhân mình theo phân cấp, phân quyền của cơ quan chức năng *(trừ những tài liệu, nội dung không được nghiên cứu, khai thác theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước)*.

b) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp

Thực hiện ký số hoặc phê duyệt thông tin cán bộ đã khai, cập nhật theo phân cấp; cập nhật kịp thời các thay đổi về nhân sự do cấp mình quyết định vào cơ sở dữ liệu cán bộ. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

Thực hiện số hóa hồ sơ cán bộ theo phân cấp quản lý hồ sơ cán bộ.

Thực hiện cập nhật dữ liệu bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời; định kỳ rà soát, phát hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền đối với dữ liệu sai lệch; không tự ý chỉnh sửa các trường dữ liệu không thuộc thẩm quyền.

Cập nhật, điều chỉnh danh mục cơ quan, đơn vị, vị trí việc làm, chức danh khi có thay đổi về tổ chức, biên chế theo phân cấp.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cán bộ thực hiện khai, cập nhật, bổ sung thông tin theo đúng quy định.

c) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ

Cơ quan quản lý cán bộ được quyền quản lý dữ liệu của cán bộ đang công tác,

sinh hoạt đảng tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

Quy định chi tiết nội dung quản lý, sử dụng, khai thác dữ liệu cán bộ; phân công cụ thể tổ chức hoặc cán bộ chuyên môn làm nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu cán bộ.

Xác nhận, phê duyệt những thông tin, nội dung do cán bộ tự khai, cập nhật, bổ sung hoặc do cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ đề nghị.

Cập nhật, bổ sung những văn bản, thông tin do cơ quan, tổ chức, địa phương ban hành liên quan đến cán bộ thuộc diện quản lý (Ví dụ: nhận xét đánh giá, kết luận tiêu chuẩn chính trị,…)

Khi cán bộ đang trực tiếp quản lý được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển, bố trí công tác sang địa phương, cơ quan, đơn vị khác, phải kịp thời làm thủ tục chuyển dữ liệu cán bộ trên Hệ thống theo quy định; có trách nhiệm tiếp nhận dữ liệu cán bộ trên Hệ thống trong trường hợp có cán bộ từ nơi khác chuyển đến địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

Chịu trách nhiệm về tính đúng, đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu; bảo đảm bí mật, an ninh dữ liệu của dữ liệu cán bộ. Chỉ được cung cấp thông tin nếu khi được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bảo mật thông tin, sử dụng và quản lý thông tin đúng mục đích theo quy định.

d) Trách nhiệm của Ban Tổ chức Trung ương

Được Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền quản lý toàn bộ dữ liệu cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Được quyền đôn đốc cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý hoặc cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ thực hiện việc khai mới hoặc cập nhật, bổ sung thông tin định kỳ hoặc khi có yêu cầu về công tác cán bộ của cơ quan có thẩm quyền.

Có trách nhiệm cấp quyền chia sẻ dữ liệu cán bộ tới các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện việc thẩm định, thẩm tra, rà soát nhân sự hoặc nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ.

Phân công cụ thể tổ chức hoặc cán bộ chuyên môn làm nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu cán bộ; cấp quyền tra cứu, khai thác, sử dụng đối với cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Quản lý, khai thác toàn bộ Cơ sở dữ liệu cán bộ để phục vụ nhiệm vụ được giao theo quy định.

Chia sẻ dữ liệu đến các cơ quan chức năng, địa phương liên quan để thực hiện việc thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin liên quan đến cán bộ theo quy định hoặc

để thực hiện nhiệm vụ được giao theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thường trực Ban Bí thư.

Khi cần thiết hoặc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, được quyền trực tiếp cập nhật thông tin trên Cơ sở dữ liệu cán bộ.

Bảo mật thông tin, sử dụng và quản lý thông tin đúng mục đích theo quy định.

3. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu sức khỏe cán bộ

a) Trách nhiệm của Ban Tổ chức Trung ương, ban tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Thực hiện cập nhật danh sách cán bộ theo phân cấp quản lý được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo quy định.

Thực hiện kết luận phân loại sức khỏe cán bộ; ban hành thông báo về kết quả khám, kết luận phân loại sức khỏe cán bộ sau các đợt khám sức khỏe định kỳ và khi cán bộ theo phân cấp quản lý yêu cầu.

Chỉ đạo, phối hợp các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, theo dõi sức khỏe cán bộ đảm bảo việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết luận khám sức khỏe định kỳ, hồ sơ theo dõi sức khỏe cán bộ theo quy định.

Chỉ đạo cán bộ phụ trách định kỳ rà soát dữ liệu, phát hiện và báo cáo kịp thời các sai lệch thông tin dữ liệu.

b) Trách nhiệm của cơ sở y tế được giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, theo dõi sức khỏe cán bộ

Thực hiện số hóa hồ sơ, kết luận khám, theo dõi sức khỏe cán bộ theo quy định.

Cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả khám điều trị, khám sức khỏe định kỳ, theo dõi và kết luận phân loại sức khỏe cán bộ theo quy định chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu chuyên môn y tế được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ.

4. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ

a) Trách nhiệm của cấp ủy và cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ

Thực hiện cập nhật, ký số hoặc phê duyệt thông tin bảo vệ chính trị nội bộ theo kết luận chính thức và theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và bảo mật của dữ liệu.

Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu bảo vệ chính trị nội bộ.

Chỉ đạo cán bộ phụ trách quản lý chặt chẽ dữ liệu; định kỳ rà soát, phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền các sai lệch thông tin; không tự ý chia sẻ, kết nối dữ liệu

khi chưa được cho phép.

b) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được phân quyền

Khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi nhiệm vụ được giao.

Chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc sử dụng, bảo vệ dữ liệu được tiếp cận.

5. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu nghiên cứu khoa học

a) Trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan và đơn vị quản lý khoa học

Chỉ đạo cập nhật, ký số hoặc phê duyệt thông tin về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo phân cấp; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu.

Tổ chức số hóa hồ sơ, tài liệu nghiên cứu khoa học theo quy định.

Chỉ đạo rà soát, đánh giá định kỳ dữ liệu; phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền các sai lệch; không chỉnh sửa dữ liệu ngoài phạm vi thẩm quyền.

b) Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

Khai, cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong từng giai đoạn thực hiện; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin đã cung cấp.

Phối hợp với đơn vị quản lý khoa học trong việc hoàn thiện hồ sơ, dữ liệu phục vụ nghiệm thu, lưu trữ và khai thác.

c) Các vụ, cục, đơn vị của Ban Tổ chức Trung ương khi sử dụng, kế thừa kết quả nghiên cứu khoa học trong công tác nghiên cứu, tham mưu có trách nhiệm thông tin, cập nhật kết quả ứng dụng vào Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học.

6. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

a) Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Định kỳ hoặc khi phát sinh, thay đổi thông tin liên quan đến quá trình đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm kịp thời cập nhật, bổ sung thông tin để báo cáo, đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp thực hiện cập nhật.

Chịu trách nhiệm về tính đúng, đủ, chính xác, kịp thời của thông tin, hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng đã cung cấp; kịp thời thông báo khi phát hiện sai sót để chỉnh sửa theo quy định.

b) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ

Quản lý, theo dõi dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

Cập nhật đầy đủ các văn bản, thông tin phát sinh liên quan đến việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng và kết quả đào tạo; chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của dữ liệu và bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin theo quy định.

Định kỳ hằng năm, kể từ khi cán bộ hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp (và cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng) có trách nhiệm tổ chức đánh giá mức độ vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn công tác và cập nhật kết quả đánh giá vào Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng.

c) Trách nhiệm của Ban Tổ chức Trung ương

Lập kế hoạch, tổng kết báo cáo hàng năm, dự kiến nhu cầu đào tạo năm sau. Căn cứ báo cáo phân tích dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng theo địa bàn, lĩnh vực, độ tuổi, giới tính, chức danh quy hoạch; định kỳ tổng hợp, đánh giá và dự báo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng phục vụ công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ.

Hướng dẫn, chuẩn hóa nội dung, danh mục dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng; thẩm định, xác thực dữ liệu theo phân cấp.

Đôn đốc, kiểm tra việc cập nhật dữ liệu; quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng phục vụ công tác quản lý cán bộ theo quy định.

Điều 14. Kinh phí tạo lập, cập nhật và số hóa dữ liệu

Kinh phí tạo lập, cập nhật, số hóa, làm sạch, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu và đào tạo, hỗ trợ người dùng được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định; thực hiện theo chế độ tài chính hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Chương III
QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 15. Chủ thể quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu

1. Tổ chức quản lý, vận hành thống nhất ở Trung ương

a) Ban Tổ chức Trung ương thống nhất quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống các cơ sở dữ liệu về Tổ chức xây dựng Đảng, bao gồm: Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên; Cơ sở dữ liệu cán bộ; Cơ sở dữ liệu cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ; Cơ sở dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ; Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học; Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

b) Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xây dựng, phát triển, hoàn thiện và vận hành Hệ thống nhằm phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu và thực hiện nghiệp vụ về công tác tổ chức xây dựng Đảng.

2. Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên

a) Dữ liệu đảng viên của đảng bộ nào thì cấp ủy cấp đó chịu trách nhiệm cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng. Cấp ủy cấp tỉnh phân công ban tổ chức cấp ủy cấp tỉnh; cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (hoặc đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở hoặc đảng ủy được thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở, nơi có đủ điều kiện tham gia Hệ thống) phân công cơ quan tham mưu về công tác tổ chức của cấp ủy; cấp ủy cơ sở (có đủ điều kiện tham gia vào Hệ thống) phân công bộ phận tham mưu, giúp việc của cấp ủy thực hiện việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên theo phân cấp.

b) Các tổ chức, cơ quan, đơn vị được khai thác, sử dụng dữ liệu về đảng viên thông qua cơ chế kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên và các cơ sở dữ liệu liên quan khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Đảng viên cập nhật thông tin và thực hiện các thủ tục hành chính của Đảng theo quy định.

3. Cơ sở dữ liệu cán bộ

a) Cán bộ được quyền tra cứu, xem dữ liệu của cá nhân mình trên Cơ sở dữ liệu cán bộ theo quy định.

b) Cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ được tra cứu, sử dụng các tính năng về cập nhật, phân tích, tổng hợp, thống kê,… đối với dữ liệu liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức theo quy định và theo phân cấp quản lý.

c) Cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ được tra cứu, sử dụng toàn bộ dữ liệu cán bộ thuộc diện quản lý; được chia sẻ dữ liệu với các cơ quan chức năng, địa phương liên quan hoặc chuyển dữ liệu giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ để thực hiện nghiệp vụ công tác cán bộ theo quy định; thực hiện việc tổng hợp, phân tích, thống kê,…, hoặc định kỳ báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

d) Cơ quan chức năng thẩm định, thẩm tra về công tác cán bộ được quyền tra cứu thông tin, dữ liệu về cán bộ khi thực hiện nhiệm vụ thẩm định nhân sự theo quy trình công tác cán bộ theo quy định.

e) Ban Tổ chức Trung ương được tra cứu, sử dụng toàn bộ dữ liệu cán bộ; khai thác, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan chức năng, địa phương liên quan; tổng hợp, phân tích, thống kê,…, dữ liệu cán bộ theo yêu cầu hoặc định kỳ báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trường hợp đối với cán bộ cấp cao không còn thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý do thôi giữ chức vụ, nghỉ công tác, nghỉ hưu, từ trần hoặc chuyển về

thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thì thực hiện việc phân tách, lưu trữ dữ liệu đối với cán bộ đó tại mục riêng trên Cơ sở dữ liệu để bảo đảm tính cập nhật, chính xác của dữ liệu.

f) Dữ liệu của cơ sở dữ liệu cán bộ hoặc hồ sơ nhân sự (theo từng khâu trong công tác cán bộ: Quy hoạch; đánh giá; bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; điều động, luân chuyển; cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm;...) khi được xuất theo định dạng văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật thì văn bản điện tử đó có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy và được sử dụng để thực hiện các quy trình công tác cán bộ.

4. Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ

a) Ban Tổ chức Trung ương thống nhất quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ phục vụ công tác quản lý, theo dõi sức khỏe cán bộ và kết luận phân loại sức khỏe trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

b) Tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo cơ quan chức năng xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ phục vụ công tác quản lý, theo dõi sức khỏe cán bộ và kết luận phân loại sức khỏe trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ theo phân cấp quản lý.

c) Cơ quan quản lý sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ.

d) Cơ sở y tế và cán bộ y tế được giao nhiệm vụ khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh, chữa bệnh, theo dõi sức khỏe cán bộ ở Trung ương; đơn vị, cán bộ được giao nhiệm vụ tổng hợp, theo dõi tình hình sức khỏe cán bộ ở địa phương.

đ) Cán bộ thuộc diện quản lý chăm sóc sức khỏe theo phân cấp quản lý:

- Được thông báo, kiểm tra, đính chính thông tin hành chính cá nhân trong hồ sơ sức khỏe khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.

- Phối hợp cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ phục vụ việc tạo lập, cập nhật hồ sơ sức khỏe theo quy định.

5. Cơ sở dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ

a) Cấp ủy và cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ

Ban Tổ chức Trung ương (Cục Bảo vệ chính trị nội bộ) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu bảo vệ chính trị nội

bộ phục vụ việc phân tích, khai thác dữ liệu và thực hiện các quy trình nghiệp vụ bảo vệ chính trị nội bộ.

b) Tổ chức, cá nhân được phân quyền

Thực hiện việc cập nhật dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ theo thẩm quyền được phân công.

6. Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học

a) Ban Tổ chức Trung ương (Vụ Nghiên cứu khoa học tổ chức, cán bộ) chủ trì, phối hợp với các vụ, cục, đơn vị xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Ban.

b) Các vụ, cục, đơn vị của Ban Tổ chức Trung ương được khai thác, sử dụng dữ liệu nghiên cứu khoa học thông qua kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học với các cơ sở dữ liệu liên quan khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền; có trách nhiệm thông tin, cập nhật kết quả ứng dụng vào Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học khi sử dụng, kế thừa kết quả nghiên cứu khoa học trong công tác nghiên cứu, tham mưu.

c) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu liên quan đến nhiệm vụ, đề tài, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định.

7. Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

a) Ban Tổ chức Trung ương (Cục Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ được tiếp cận, khai thác thông tin đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ theo thẩm quyền.

c) Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và cơ quan quản lý đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm cung cấp, bổ sung, xác nhận thông tin về chương trình, quá trình và kết quả đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; phối hợp bảo đảm tính chính xác, đồng bộ của dữ liệu.

d) Cán bộ, công chức, viên chức được xem, kiểm tra thông tin đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân trên Hệ thống; có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và phối hợp cập nhật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

e) Việc kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác chỉ được thực hiện trên cơ sở quyết định của cấp có

thẩm quyền và tuân thủ nghiêm các quy định về bảo mật, an ninh dữ liệu.

g) Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được liên thông với Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức để phục vụ kiểm tra, đối chiếu tiêu chuẩn chức danh, điều kiện quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và các nhiệm vụ công tác cán bộ theo quy định.

Điều 16. Phương thức, phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Việc phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu thực hiện theo vai trò, nhiệm vụ, phạm vi dữ liệu, mức độ mật và thời hạn sử dụng; bảo đảm nguyên tắc quyền tối thiểu cần thiết, đúng người, đúng việc, đúng thời điểm, đúng mục đích. Tài khoản truy cập phải được định kỳ rà soát, điều chỉnh, gia hạn hoặc thu hồi khi thay đổi vị trí công tác, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc khi hết thời hạn khai thác.

Việc khai thác dữ liệu Tổ chức xây dựng Đảng được thực hiện thông qua tài khoản được phân quyền trên Hệ thống phần mềm.

Trường hợp theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, thì cá nhân hoặc tổ chức được cấp tài khoản có trách nhiệm khai thác dữ liệu và báo cáo kết quả với cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Người sử dụng được cấp quyền theo một hoặc nhiều vai trò trên Hệ thống. Mỗi vai trò được gán nhóm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và nguyên tắc cấp quyền tối thiểu cần thiết để thực hiện công việc.

3. Chủ quản dữ liệu quyết định phạm vi khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; tổ chức rà soát, điều chỉnh quyền truy cập dữ liệu định kỳ hoặc khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, vị trí công tác của người sử dụng.

4. Quản trị dữ liệu thực hiện cấp, thay đổi, tạm dừng hoặc thu hồi quyền khai thác, sử dụng dữ liệu theo phân công và quy định của chủ quản dữ liệu.

5. Quản trị hệ thống thực hiện quản lý tài khoản, xác thực người sử dụng, phân quyền truy cập, ghi nhận nhật ký hoạt động và bảo đảm các điều kiện kỹ thuật phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống.

6. Mọi hoạt động truy cập, khai thác, cập nhật, phê duyệt, chia sẻ và xử lý dữ liệu trên Hệ thống phải được ghi vết, lưu nhật ký và bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát, truy xuất nguồn gốc theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ thể khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, bảo đảm về an ninh mạng và bảo mật theo quy định. Không được khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu tổ chức xây dựng Đảng nhằm phục vụ các mục đích riêng.

2. Cơ quan tham mưu về công tác tổ chức và cán bộ được giao phụ trách về cơ sở dữ liệu tổ chức xây dựng Đảng có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và thực hiện yêu cầu khai thác dữ liệu theo phạm vi và thẩm quyền phụ trách; cung cấp đầy đủ thông tin theo đúng đối tượng, phạm vi, nội dung; từ chối cung cấp thông tin trong trường hợp phiếu yêu cầu không đảm bảo thông tin hoặc thông tin sai hoặc thông tin không đủ căn cứ để cung cấp dữ liệu.

Chương IV
VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN LĨNH VỰC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG

Điều 18. Trách nhiệm vận hành

1. Ban Tổ chức Trung ương là chủ quản nghiệp vụ và dữ liệu, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, kịp thời; chủ trì hướng dẫn nghiệp vụ, phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì xác định các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, an toàn, bảo mật, phạm vi và đối tượng cập nhật, khai thác thông tin trên Hệ thống theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; cung cấp cho Văn phòng Trung ương Đảng để phục vụ khảo sát, phân tích, thiết kế, xây dựng Hệ thống đáp ứng yêu cầu quản lý và nghiệp vụ.

Các vụ, cục, đơn vị thuộc Ban Tổ chức Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng trong quá trình khảo sát, phân tích, thiết kế, xây dựng, vận hành và cập nhật dữ liệu trên Hệ thống; kịp thời khắc phục các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành, đồng thời người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

2. Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) là đơn vị chủ trì kỹ thuật, xây dựng, vận hành Hệ thống đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ; định kỳ sao lưu dữ liệu, có phương án phục hồi dữ liệu khi gặp sự cố, khắc phục kịp thời các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành, đảm bảo an ninh dữ liệu cho Hệ thống; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành Hệ thống.

3. Cán bộ được giao nhiệm vụ quản trị, vận hành Hệ thống phải tuân thủ hướng dẫn, quy định an ninh mạng, bảo mật và không tự ý can thiệp cấu hình kỹ thuật.

Điều 19. Vận hành, giám sát, cảnh báo, xử lý sự cố và bảo trì, nâng cấp

1. Hệ thống phải được tổ chức vận hành liên tục, có đầu mối trực vận hành, hỗ trợ kỹ thuật và tiếp nhận thông tin sự cố 24 giờ trong ngày, 07 ngày trong tuần đối với các thành phần hạ tầng, phần mềm và cơ sở dữ liệu trọng yếu.

2. Hệ thống phải được giám sát thời gian thực để phát hiện lỗi, truy cập bất

thường và rủi ro bảo mật. Khi xảy ra sự cố, đơn vị vận hành phải ghi nhận, phân loại, khắc phục bước đầu và báo cáo kịp thời. Định kỳ đánh giá an toàn, thử nghiệm phục hồi và cập nhật phương án phòng ngừa rủi ro.

3. Sự cố trong quá trình vận hành Hệ thống được phân loại theo mức độ ảnh hưởng đến tính sẵn sàng, tính toàn vẹn, tính bảo mật của dữ liệu và hoạt động nghiệp vụ, bao gồm: sự cố mức thấp, sự cố mức trung bình, sự cố mức cao và sự cố nghiêm trọng.

4. Mọi sự cố phải được tiếp nhận, ghi nhận, phân loại, xử lý và theo dõi trên Hệ thống quản lý sự cố; bảo đảm xác định được thời điểm phát sinh, nguyên nhân, phạm vi ảnh hưởng, biện pháp khắc phục và kết quả xử lý. Thời gian tiếp nhận và phân loại sự cố không quá 01 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được thông tin sự cố; việc xử lý và khắc phục sự cố được thực hiện theo mức độ ảnh hưởng và quy trình vận hành do chủ quản Hệ thống quy định.

5. Sau khi xử lý sự cố, đơn vị vận hành có trách nhiệm đánh giá nguyên nhân, đề xuất biện pháp phòng ngừa tái diễn và cập nhật cơ sở tri thức phục vụ vận hành Hệ thống.

6. Hệ thống được bảo trì định kỳ để bảo đảm hiệu năng, ổn định và tương thích công nghệ mới. Nâng cấp, mở rộng phải dựa trên nhu cầu quản lý, tuân thủ tiêu chuẩn bảo mật và không làm gián đoạn hoạt động.

Chương V
AN NINH MẠNG, BẢO MẬT HỆ THỐNG THÔNG TIN LĨNH VỰC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG

Điều 20. Bảo đảm an ninh mạng đối với hạ tầng kỹ thuật

1. Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức xây dựng Đảng được đặt tại Trung tâm dữ liệu các cơ quan Đảng, được triển khai đầy đủ phương án về kỹ thuật và quản lý, vận hành đảm bảo an ninh mạng theo cấp độ của hệ thống; trước khi kết nối tích hợp và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác cần được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an ninh dữ liệu để đảm bảo an toàn, tin cậy.

2. Hạ tầng kỹ thuật được triển khai giám sát bảo vệ an ninh mạng và kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất theo quy định; kịp thời khắc phục các điểm yếu, lỗ hổng, nguy cơ mất an ninh mạng được phát hiện; phân vùng mạng quản trị hệ thống phải được tách biệt với môi trường khai thác, sử dụng; Hoạt động quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật phải được kiểm soát, phân quyền, xác thực, ghi nhận nhật ký và giám sát theo quy định.

3. Việc thiết lập, mở rộng hoặc thay đổi kết nối hạ tầng phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về an ninh dữ liệu; bảo đảm không làm ảnh hưởng tới tính

sẵn sàng, tính toàn vẹn và bảo mật của Hệ thống.

4. Các đơn vị tham gia kết nối hạ tầng có trách nhiệm bảo đảm điều kiện vận hành ổn định, duy trì các biện pháp giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố, nguy cơ gây mất an ninh dữ liệu trong quá trình khai thác Hệ thống. Việc sử dụng máy vi tính và các trang thiết bị liên quan phải tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an ninh mạng Hệ thống.

Điều 21. Bảo đảm an ninh dữ liệu, hồ sơ điện tử

1. Hồ sơ điện tử phải được áp dụng biện pháp mã hóa trong quá trình truyền tải, trao đổi và chia sẻ thông tin; sử dụng các thuật toán, tiêu chuẩn và giải pháp kỹ thuật phù hợp theo quy định của pháp luật về Cơ yếu, Bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng. Đối với những dữ liệu được xác định là dữ liệu bí mật nhà nước đang được lưu trữ, quản lý, sử dụng trên máy tính người dùng cần có cơ chế mã hóa nhằm đảm bảo tính bảo mật và tính toàn vẹn của dữ liệu trước các cuộc tấn công có chủ đích.

2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát truy cập, bao gồm phân quyền, xác thực nhiều lớp, ghi nhật ký truy cập và giám sát liên tục nhằm bảo đảm chỉ người có thẩm quyền mới được phép sử dụng, khai thác hoặc chỉnh sửa dữ liệu.

3. Định kỳ tổ chức đánh giá, rà soát an ninh dữ liệu, phát hiện lỗ hổng bảo mật, thực hiện các biện pháp khắc phục và nâng cấp Hệ thống theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Có phương án sao lưu, phục hồi dữ liệu theo quy định; bảo đảm khả năng khôi phục đầy đủ, kịp thời dữ liệu và hồ sơ đảng viên điện tử khi xảy ra sự cố, tấn công mạng hoặc thiên tai.

5. Dữ liệu Hệ thống và các hồ sơ liên quan phải được lưu trữ, quản lý theo đúng cấp độ bảo mật; bảo đảm không bị truy cập, sao chép, chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc tiết lộ trái phép dưới bất kỳ hình thức nào.

6. Việc truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước chỉ được thực hiện trên các thiết bị đã được cấp có thẩm quyền cho phép và cấp quyền sử dụng. Toàn bộ các cơ sở dữ liệu thành phần thuộc Hệ thống phải được triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh dữ liệu đồng bộ, nhiều lớp, đáp ứng yêu cầu kiểm soát chặt chẽ việc truy cập và khai thác dữ liệu. Mọi yêu cầu truy cập vào Hệ thống từ cấp cơ sở đến Trung ương phải ghi nhật ký truy cập, được xác thực, phân quyền và giám sát an ninh dữ liệu thường xuyên, liên tục theo từng cấp độ quản lý. Nhật ký truy cập phải được quản lý, lưu trữ tập trung, sử dụng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật chống thay đổi, thất thoát dữ liệu.

7. Người được giao khai thác, sử dụng dữ liệu, hồ sơ điện tử có trách nhiệm

chấp hành đầy đủ các quy định về truy cập, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu.

Điều 22. Xử lý sự cố an ninh mạng, an ninh dữ liệu

1. Khi phát hiện dấu hiệu tấn công mạng, lộ lọt dữ liệu, truy cập trái phép hoặc sự cố ảnh hưởng đến tính bí mật, tính toàn vẹn, sẵn sàng của Hệ thống, đơn vị quản trị kỹ thuật phải kịp thời cô lập, xử lý, khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp điều tra, xác minh nguyên nhân, đánh giá phạm vi ảnh hưởng và thực hiện các biện pháp khắc phục, phòng ngừa tái diễn.

Điều 23. Nguyên tắc sử dụng trí tuệ nhân tạo

1. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong Hệ thống phải bảo đảm nguyên tắc con người giữ vai trò quyết định, chịu trách nhiệm về kết quả xử lý công việc; AI chỉ có chức năng hỗ trợ phân tích, tổng hợp, dự báo, gợi ý và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Không sử dụng các nền tảng, mô hình AI công cộng hoặc dịch vụ AI chưa được cấp có thẩm quyền cho phép đối với dữ liệu, hồ sơ điện tử, tài liệu hoặc thông tin chưa được phép công khai. Mọi hoạt động khai thác, xử lý dữ liệu bằng AI phải được ghi vết, lưu nhật ký trên Hệ thống để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và truy xuất khi cần thiết. Dữ liệu, thông tin, báo cáo hoặc sản phẩm được tạo ra từ quá trình xử lý bằng AI phải được quản lý, bảo vệ theo cấp độ bảo mật tương ứng với dữ liệu đầu vào hoặc cấp độ cao nhất của các nguồn dữ liệu được sử dụng. Kết quả do AI tạo ra chỉ có giá trị tham khảo, hỗ trợ; không được sử dụng làm căn cứ duy nhất để đánh giá, nhận xét, kết luận, quyết định hoặc đề xuất quyết định đối với cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng.

2. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và các thông tin thuộc phạm vi bảo vệ theo quy định của pháp luật; không được nhập, tải lên hoặc chia sẻ thông tin thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân nhạy cảm hoặc thông tin hạn chế tiếp cận vào các hệ thống trí tuệ nhân tạo khi chưa được phép theo quy định. Dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước chỉ được xử lý bằng các nền tảng AI được triển khai trong hạ tầng số của Đảng hoặc được cấp có thẩm quyền cho phép.

3. Kết quả xử lý, tổng hợp hoặc gợi ý do AI tạo ra phải được quản lý, lưu trữ và sử dụng tương ứng theo cấp độ bảo mật của dữ liệu đầu vào. Việc sử dụng AI trong Hệ thống phải được ghi nhật ký phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và truy vết khi cần thiết.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Ban Tổ chức Trung ương

1. Ban Tổ chức Trung ương là chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng (các vụ, cục, đơn vị là chủ thể nghiệp vụ và chủ quản dữ liệu chuyên ngành trong phạm vi được giao), phối hợp với Văn phòng Trung ương vận hành, duy trì Hệ thống đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu về công tác tổ chức xây dựng Đảng.

2. Có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo; đồng thời kiểm tra, giám sát, đôn đốc các vụ, cục, đơn vị trực thuộc và các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai, ứng dụng Hệ thống để cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định, bảo đảm việc vận hành Hệ thống thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong toàn Ngành Tổ chức xây dựng Đảng.

Điều 25. Văn phòng Trung ương Đảng

1. Văn phòng Trung ương Đảng là đầu mối kỹ thuật, hạ tầng, an toàn hệ thống, chỉ đạo đơn vị chuyên môn tổ chức vận hành, quản trị hệ thống máy chủ; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và các thành phần kỹ thuật phục vụ vận hành Hệ thống; đồng thời thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ và phục hồi dữ liệu kịp thời khi xảy ra sự cố.

2. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương định kỳ rà soát, nâng cấp và phát triển Hệ thống phù hợp yêu cầu thực tiễn.

Điều 26. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp

a) Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các tổ chức đảng, đảng viên trực thuộc, các cơ quan tham mưu, giúp việc thực hiện nghiêm túc Quy định này; thực hiện hiệu quả công tác quản lý đảng viên, các quy trình nghiệp vụ công tác đảng viên, các thủ tục hành chính trong Đảng.

b) Phân công, phân quyền đơn vị, cá nhân chủ trì, phụ trách Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên của đảng bộ theo phân cấp quản lý.

c) Quản lý chặt chẽ danh mục thiết bị được phép kết nối, truy cập, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá tình trạng an ninh, an ninh dữ liệu của thiết bị; kịp thời đình chỉ hoặc thu hồi quyền truy cập đối với người sử dụng và thiết bị có nguy cơ mất an ninh, an ninh dữ liệu.

d) Định kỳ báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp về tình hình xây dựng, quản lý,

khai thác, sử dụng và bảo đảm an ninh mạng Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên.

2. Các cơ quan của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

a) Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai Hệ thống phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, tổng hợp, thống kê và thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

b) Phân công đơn vị, cán bộ chuyên trách thực hiện quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm việc truy cập, khai thác thông tin đúng thẩm quyền, đúng mục đích và đúng quy định.

c) Định kỳ hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng Hệ thống và các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 27. Đánh giá trách nhiệm

Kết quả cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống; chất lượng dữ liệu; tỷ lệ hồ sơ, quy trình được xử lý trên môi trường số; mức độ sử dụng; kết quả bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu và hiệu quả giảm thời gian, chi phí, giấy tờ là căn cứ đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, đầu mối dữ liệu, đầu mối nghiệp vụ và đầu mối kỹ thuật theo quy định.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này thay thế Quy định số 08-QĐ/TCTW, ngày 09/7/2003 về xây dựng, quản lý và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên; Quy định số 13-QĐ/BTCTW, ngày 19/5/2005 về bảo đảm kỹ thuật phục vụ việc cập nhật, khai thác, quản lý và bảo hành, bảo trì Hệ thống Cơ sở dữ liệu đảng viên và Quy định số 02-QĐ/BTCTW, ngày 03/7/2006 về chế độ, cập nhật đồng bộ và khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu đảng viên của Ban Tổ chức Trung ương.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn nhưng có hiệu lực sau ngày Quy định này được ban hành, việc áp dụng thực hiện kể từ thời điểm văn bản đó có hiệu lực.

3. Đối với dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ thuộc diện cấp có thẩm quyền quản lý đã được số hóa, lưu trữ và quản lý trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, chủ quản dữ liệu có trách nhiệm tổ chức rà soát, chuẩn hóa, làm sạch, đối soát và đồng bộ vào Hệ thống theo tiêu chuẩn dữ liệu thống nhất. Việc chuyển tiếp dữ liệu phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn, khả năng truy xuất nguồn gốc và không làm gián đoạn hoạt động nghiệp vụ. Trong thời gian thực hiện chuyển tiếp dữ liệu, các nguồn dữ liệu hiện có tiếp tục được khai thác, sử dụng

theo quy định cho đến khi hoàn thành việc đồng bộ và đưa vào vận hành chính thức trên Hệ thống.

4. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được phổ biến đến các đơn vị có liên quan.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương để xử lý, giải quyết theo quy định.

Nơi nhận:
- BCĐTW về KH, CN, ĐMST và CĐS;
- BCĐ CĐS trong các CQ Đảng;
- Các đồng chí Lãnh đạo Ban;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các cơ quan, ban đảng ở Trung ương;
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW;
- Các ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương;
- Các vụ, cục, đơn vị trong Ban;
- Lưu VP, P. CNTT&CĐS.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Duy Ngọc

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU THÀNH PHẦN VÀ ĐẦU MỐI NGHIỆP VỤ

STT	Cơ sở dữ liệu thành phần	Đầu mối nghiệp vụ
1	CSDL Tổ chức đảng, đảng viên	Vụ Cơ sở đảng, đảng viên
2	CSDL Cán bộ	Vụ Cán bộ
3	CSDL Bảo vệ chính trị nội bộ	Cục Bảo vệ chính trị nội bộ
4	CSDL Sức khỏe cán bộ	Vụ Chính sách cán bộ phối hợp với cơ sở y tế được giao nhiệm vụ
5	CSDL Đào tạo, bồi dưỡng	Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ
6	CSDL Nghiên cứu khoa học	Vụ Nghiên cứu khoa học tổ chức, cán bộ

PHỤ LỤC 2 - MẪU PHIẾU YÊU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU

1. Thông tin người yêu cầu

- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Đơn vị công tác:
- Số điện thoại:
- Tài khoản Hệ thống:
- Ngày đề nghị:

2. Nội dung đề nghị khai thác dữ liệu

- Cơ sở dữ liệu đề nghị khai thác:
- Mục đích khai thác, sử dụng:
- Phạm vi dữ liệu cần khai thác:
- Hình thức khai thác (trực tiếp/gián tiếp/trích xuất báo cáo):
- Thời gian sử dụng dữ liệu:

3. Cam kết

Tôi cam kết sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng phạm vi được phê duyệt; tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh thông tin, an ninh dữ liệu và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cấp có thẩm quyền về việc sử dụng dữ liệu.

4. Ý kiến phê duyệt

- Ý kiến của đơn vị quản lý dữ liệu:
- Phạm vi dữ liệu được phép khai thác:
- Thời hạn khai thác:
- Kết quả phê duyệt:

Người đề nghị	**Đơn vị quản lý dữ liệu**	**Người có thẩm quyền phê duyệt**

PHỤ LỤC 3 - BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỮ LIỆU

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa
1	Tỷ lệ hồ sơ có đầy đủ trường dữ liệu bắt buộc	10
2	Tỷ lệ dữ liệu được xác thực, phê duyệt theo quy định	10
3	Tỷ lệ dữ liệu chính xác sau kiểm tra, đối soát	10
4	Tỷ lệ dữ liệu đồng bộ, thống nhất với các cơ sở dữ liệu liên quan	10
5	Tỷ lệ hồ sơ được số hóa đầy đủ theo quy định	10
6	Tỷ lệ hồ sơ được cập nhật đúng thời hạn	10
7	Tỷ lệ hồ sơ được rà soát, làm sạch dữ liệu định kỳ	5
8	Tỷ lệ yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu được xử lý đúng thời hạn	5
9	Tỷ lệ hồ sơ, quy trình nghiệp vụ thực hiện trên môi trường số	5
10	Tỷ lệ báo cáo được tạo lập từ dữ liệu trên Hệ thống	5
11	Mức độ sử dụng dữ liệu trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện nghiệp vụ	5
12	Mức độ sẵn sàng của dữ liệu	5
13	Tỷ lệ tài khoản được quản lý, rà soát theo quy định	5
14	Việc chấp hành quy định về bảo mật, an ninh dữ liệu	5
15	Số vụ việc vi phạm quy định về quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu	5